TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phảiúc

Bản án số: 670/2019/KDTM-ST
Ngày: 27/9/2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phảiiên tòa: Bà Nguyễn Mai Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Hà Minh

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phảiạm Quỳnh Mai Trinh – Thư ký Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 và 27 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận tiến hành xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 0053/2018/TLST-KDTM ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXX-ST ngày 31 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: 28C-28D phảiố B, phường H, quận K, Thành phảiố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Tống Long H (Văn bản ủy quyền số 173/2010/UQ-HĐQT ngày 01/8/2017) (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn H

Địa chỉ: 02 Đường D, Phường T, quận P, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Hồng T – Giám đốc (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1.Công ty cổ phần K

Địa chỉ: 72 - 74 đường N , Phường S, Quận B, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Thu H - Chủ tịch Hội đồng quản trị trú tại 1/14 đường N, Phường N, quận T, TP.HCM (vắng mặt).

3.2.Công ty TNHH Sắt Thép V Việt Nam (tên cũ: Công ty TNHH Sắt Thép V)

Địa chỉ: 3D Trần Phú, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lâm Hồng T - Tổng Giám đốc trú tại 1/14 đường N, Phường B, quận T, TP.Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phảiiên toà, đại diện nguyên đơn ông* Tống Long H *trình bày:*

Công ty trách nhiệm hữu hạn H *(sau đây gọi tắt là Công ty H)* và Ngân hàng thương mại cổ phần Q *(tên cũ là Ngân hàng thương mại cổ phần N) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Q)* có ký 02 Hợp đồng tín dụng. Cụ thể như sau:

Khoản vay 01: Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 03/HĐTD-DH/2008 ngày 20/02/2008, Số tiền vay 61.000.000.000 đồng, đã giải ngân 50.000.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng (từ 20/02/2008 đến 20/02/2014), mục đích vay đầu tư nhà xưởng, phương thức trả nợ vay: trả lãi hàng tháng, gốc trả theo kỳ, Lãi suất trong hạn 11.4%/năm trong 12 tháng đầu và thay đổi 06 tháng/lần kể từ ngày giải ngân, lãi suất quá hạn bằng lãi trong hạn * 150%. Ngày 03/12/2008, hai bên ký Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 03/HĐTD-DH/2008 ngày 20/02/2008 theo đó, lãi suất vay từ ngày 03/12/2008 đến 01/02/2009 là 15%/năm và từ ngày 01/02/2009, lãi suất vay sẽ thay đổi theo công thức lãi suất vay = lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng loại lãnh lãi cuối kỳ bậc thang cao nhất áp dụng cho khách hàng cá nhân tại thời điểm thay đổi cộng 3.4%/năm với định kỳ thay đổi 03 tháng/lần.

Khoản vay 02: Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 001/12/HĐTD/101-51 ký ngày 06/3/2012. Số tiền vay: 128.000.000 đồng, thời hạn vay: 6 tháng (từ 06/3/2012 đến 06/9/2012); mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; phương thức trả nợ vay: trả lãi hàng tháng, gốc cuối kỳ; lãi suất trong hạn: 24.62%/năm và thay đổi bất kỳ thời điểm nào trong thời gian hiệu lực của hợp đồng; lãi suất quá hạn: bằng lãi trong hạn * 150%

Tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho các khoản vay trên Công ty H đã thế chấp cho Ngân hàng Q (Hợp đồng số 06/HĐTC/2008 ký ngày 09/7/2008 và hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung 001/PL ngày 06/3/2012) các tài sản sau:

1. Nhà xưởng sản xuất chính: Diện tích 4.860m2; cọc, sàn bê tông; khung sắt, lợp mái tôn mạ mầu và các công trình phảiụ trợ: Bể nước, khu vệ sinh, Trạm điện, tường rào…;
2. Máy cán nguội (cán tôn): Model: CRM – 4HR – 4009 (02 cái);
3. Máy cán nguội (cán tôn): Model: 4H 450 – 3S (02 cái);

4. Máy cắt tôn (phảia băng): Máy cắt tôn theo kích thước ống (02 cái);
5. Máy làm ống 3 inches: Máy hàn từ tôn thành ống tròn (01 cái);
6. Máy làm ống 2 inches: Máy hàn từ tôn thành ống tròn (01 cái);
7. Cẩu trục Q = 3 T: Cẩu trục 3 T và các thang cáp kèm theo (05 cái);
8. Cẩu trục Q = 5 T: Cẩu trục 5 T và các thang cáp kèm theo (06 cái);
9. Tủ điện MSB: Tủ điều kiển của nhà máy (01cái);
10. Trạm biến áp 3000KVA và đường dây 22KV (01 hệ thống);
11. Hệ thống cứu hỏa: Hệ thống PCCC nhà máy (01 hệ thống);
12. Thang cáp 250m (01cái);
13. Cáp điện: Toàn bộ hệ thống dây cáp điện nhà máy (01 hệ thống);
14. Tiền thuê đất 34.442 m^2 : Chuyển quyền thuê đất tại KCN Đ;
15. Các tài sản hình thành trong tương lai trên Lô đất CN3.1 KCN Đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì Ngân hàng Q đã đồng ý cho Công ty H chuyển nhượng các tài sản sau để trả nợ vay, bao gồm:

1. Nhà xưởng sản xuất chính: Diện tích 4.860m^2; cọc, sàn bê tông; khung sắt, lợp mái tôn mạ mầu và các công trình phảiụ trợ: Bể nước, khu vệ sinh, Trạm điện, tường rào…;
2. Cẩu trục Q = 3 T: Cẩu trục 3 T và các thang cáp kèm theo (05 cái);
3. Cẩu trục Q = 5 T: Cẩu trục 5 T và các thang cáp kèm theo (06 cái);
4. Trạm biến áp 3000KVA và đường dây 22KV (01 hệ thống);
5. Hệ thống cứu hỏa: Hệ thống PCCC nhà máy (01 hệ thống);
6. Thang cáp 250m (01 cái);
7. Cáp điện: Toàn bộ hệ thống dây cáp điện nhà máy (01 hệ thống);
8. Tiền thuê đất 34.442 m^2 : Chuyển quyền thuê đất tại KCN Đ;
9. Các tài sản hình thành trong tương lai trên Lô đất CN3.1 KCN Đ.

Công ty H đã thực hiện trả nợ cho Ngân hàng Q các khoản vay sau:

- Khoản vay 01: Nợ gốc: 50.000.000.000 đồng. Trả gốc: 42.950.000.000 đồng. Trả lãi: 17.291.142.085 đồng. Dư nợ**:** 7.050.000.000 đồng.

- Khoản vay 2: Nợ gốc: 128.000.000 đồng. Trả gốc: 83.735 đồng. Trả lãi: 4.464.427 đồng. Dư nợ**:** 127.916.265 đồng.

Tính đến ngày 24/9/2019, tài sản thế chấp còn lại cho 02 khoản vay trên là:

1. Máy cán nguội (cán tôn): Model: CRM – 4HR – 400 (02 cái);
2. Máy cán nguội (cán tôn): Model: 4H 450 – 3S (02 cái);
3. Máy cắt tôn (phảia băng) : Máy cắt tôn theo kích thước ống (02 cái);
4. Máy làm ống 3 inches: Máy hàn từ tôn thành ống tròn (01 cái);
5. Máy làm ống 2 inches: Máy hàn từ tôn thành ống tròn (01 cái);
6. Tủ điện MSB: Tủ điều kiển của nhà máy (01 cái).

Các tài sản thế chấp này được Công ty H cho Công ty TNHH Sắt Thép V Việt Nam (trước đây là công ty TNHH Sắt Thép V) thuê sử dụng và hiện tại các tài sản thế chấp đang đặt tại nhà máy thép tọa lạc tại khu phố K, xã B, Thị xã T, tỉnh Bình Dương của Công ty cổ phần K do ông Lâm Hồng T làm đại diện.

Hiện tại các khoản vay đã quá hạn, ngân hàng đã nhiều lần làm việc tạo điều kiện cho khách hàng có thời gian trả nợ nhưng Công ty H cố tình kéo dài không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 24/9/2019, Công ty H còn nợ ngân hàng Q là 15.797.848.536 đồng, trong đó: Nợ gốc: 7.177.916.265 đồng, Lãi trong hạn 317.737.813 đồng, Lãi quá hạn 8.302.194.458 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Toà án buộc Công ty H thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2019 là 15.797.848.536 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, Công ty H phải thanh toán phần nợ lãi, lãi phạt quá hạn phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 25/9/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Kể từ ngày bản án có hiệu lực phảiáp luật, nếu Công ty H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi các tài sản thế chấp còn lại của Công ty H đặt tại Công ty TNHH K toạ lạc tại khu phố K, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương để thu hồi nợ. Các tài sản bao gồm:

1. Máy cán nguội (cán tôn): Model: CRM – 4HR – 400 (02 cái);
2. Máy cán nguội (cán tôn): Model: 4H 450 – 3S (02 cái);
3. Máy cắt tôn (phảia băng) : Máy cắt tôn theo kích thước ống (02 cái);
4. Máy làm ống 3 inches: Máy hàn từ tôn thành ống tròn (01 cái);
5. Máy làm ống 2 inches: Máy hàn từ tôn thành ống tròn (01 cái);
6. Tủ điện MSB: Tủ điều kiển của nhà máy (01 cái).

* Bị đơn Công ty H, do ông Lâm Hồng T đại diện theo pháp luật đã có bản tự khai ngày 18/9/2018 xác nhận công ty H có khoản vay với ngân hàng TMCP Q với số nợ gốc còn lại là 7.177.916.265 VND. Do công ty đã ngưng hoạt động do tác động thị trường và đề nghị thanh lý tài sản thế chấp để giải quyết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng công ty vắng mặt không có lý do.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần K và Công ty Sắt Thép V Việt Nam đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng Công ty cổ phần K và Công ty Sắt Thép V Việt Nam vẫn vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân quận Phú Nhuận. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đầy đủ, đảm bảo thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Thẩm phán được phảiân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của Ngân hàng Q là có cơ sở và phù hợp với pháp luật về hợp đồng tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 20/02/2008 và ngày 06/3/2012, Ngân hàng Q ký Hợp đồng tín dụng số 03/HDTD-DH/2008 (sửa đổi, bổ sung ngày 03/12/2008) và Hợp đồng tín dụng số 001/12/HĐTD/101-51 với Công ty H. Quá trình thực hiện hợp đồng do công ty H không trả tiền theo đúng quy định của hợp đồng nên Ngân hàng Q khởi kiện Công ty H yêu cầu Công ty H thanh toán tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày ngày 24/9/2019 là 15.797.848.536 đồng. Như vậy, quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng Q và Công ty H là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty H có địa chỉ trụ sở chính tại Phường T, quận Phú Nhuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Kết quả xác minh tại Công an phường 8, quận Phú Nhuận thể hiện: Tại địa chỉ 2 Đường D, phường T, quận Phú Nhuận không có Công ty TNHH H hoạt động. Theo cung cấp của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch đầu tư thành phảiố Hồ Chí Minh tại Công văn số 1677/ĐKKD-THKT ngày 23/3/2018: Công ty TNHH H chưa đăng ký giải thể. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi có trụ sở cuối cùng của Công ty H. Việc Công ty H thay đổi trụ sở hoạt động gắn với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi hoạt động mới theo Điều 79 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị

quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Toà án giải quyết theo quy định chung và niêm yết các văn bản tố tụng đối với Công ty H

- Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Công ty H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng Công ty H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty cổ phần K, Công ty TNHH Sắt Thép V Việt Nam là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phảiiên tòa sơ thẩm, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng Công ty cổ phần K, Công ty TNHH Sắt Thép V Việt Nam vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về nợ gốc:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 03/HĐTD-DH/2008 ngày 20/02/2008 (sửa đổi, bổ sung ngày 03/12/2008), số tiền vay 61.000.000.000 đồng, đã giải ngân 50.000.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty H đã thanh toán 42.950.000.000 đồng, hiện còn nợ gốc 7.050.000.000 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 001/12/HĐTD/101-51 ký ngày 06/3/2012, số tiền vay: 128.000.000 đồng, đã giải ngân 128.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty H đã thanh toán 83.735 đồng, hiện còn nợ gốc 127.916.265 đồng.

Như vậy, nợ gốc của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 24/9/2019 là 7.177.916.265 đồng, số tiền này phù hợp với lời khai của nguyên đơn, bị đơn nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về nợ lãi:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Thông tư 07/2010/TT-NHNN ngày

26/02/2010 quy định về cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thoả thuận của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thoả thuận, khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động,... thì áp dụng theo quy định của Luật này". Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phảián Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của phảiáp luật về lãi, lãi suất, phảiạt vi phảiạm thì: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phảií cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của phảiáp luật". Do vậy, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng được thực hiện theo thỏa thuận, Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất của các Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết phảiù hợp với quy định của phảiáp luật, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn đã làm việc nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng cho đến nay, công ty H vẫn chưa thanh toán hết nợ cho ngân hàng, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp phảiáp của ngân hàng. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán ngay một lần toàn bộ số nợ gốc và lãi ngay sau khi án có hiệu lực phảiáp luật.

[3.4]. Đối với yêu cầu đòi thêm tiền lãi phát sinh sau thời điểm xét xử sơ thẩm đến thời điểm khoản vay được tất toán hoàn toàn:

Căn cứ khoản 2 Điều 13 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về trả nợ gốc và lãi vốn vay: *"Khi đến kỳ hạn trả nợ gốc hoặc lãi, nếu khách hàng không trả nợ đúng hạn và không được điều chỉnh kỳ hạn nợ gốc hoặc lãi hoặc không được gia hạn nợ gốc hoặc lãi, thì tổ chức tín dụng chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn."*

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: "*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà*

các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

Do đó, trong trường hợp bị đơn không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực phảiáp luật thì bị đơn còn phải chịu số tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp:

Căn cứ quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 323, 324 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Hợp đồng thế chấp do các bên đã giao kết có hiệu lực pháp luật, nên các bên phải thực hiện. Căn cứ Biên bản thẩm định tại chổ ngày 08/7/2019 thì số tài sản thế chấp hiện đang đặt tại nhà máy thép của Công ty cổ phần K bao gồm:

1. Máy cán nguội (cán tôn): Model: CRM – 4HR – 400 (02 cái);
2. Máy cán nguội (cán tôn): Model: 4H 450 – 3S (02 cái);
3. Máy cắt tôn (phảia băng) : Máy cắt tôn theo kích thước ống (02 cái);
4. Máy làm ống 3 inches: Máy hàn từ tôn thành ống tròn (01 cái);
5. Máy làm ống 2 inches: Máy hàn từ tôn thành ống tròn (01 cái);
6. Tủ điện MSB: Tủ điều kiển của nhà máy (01 cái).

Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu được kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên trong trường hợp Công ty H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ là có cơ sở chấp thuận.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử thống nhất: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty TNHH H thanh toán cho Ngân hàng Q toàn bộ số nợ tính đến ngày 24/9/2019 là 15.797.848.536 đồng, trong đó: Nợ gốc: 7.177.916.265 đồng, Lãi trong hạn 317.737.813 đồng, Lãi quá hạn 8.302.194.458 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, Công ty TNHH H phải thanh toán phần nợ lãi, lãi phạt quá hạn phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản nợ. Kể từ ngày bản án có hiệu lực phảiáp luật, nếu Công ty H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp của Công ty H đặt tại Công ty TNHH K toạ lạc tại khu phố K, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương để thu hồi nợ. Bao gồm:

1. Máy cán nguội (cán tôn): Model: CRM – 4HR – 400 (02 cái);
2. Máy cán nguội (cán tôn): Model: 4H 450 – 3S (02 cái);
3. Máy cắt tôn (phảia băng) : Máy cắt tôn theo kích thước ống (02 cái);
4. Máy làm ống 3 inches: Máy hàn từ tôn thành ống tròn (01 cái);
5. Máy làm ống 2 inches: Máy hàn từ tôn thành ống tròn (01 cái);
6. Tủ điện MSB: Tủ điều kiển của nhà máy (01 cái).

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Công ty TNHH H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 123.797.849 đồng.

Ngân hàng TMCP Q không phảiải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 62.321.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AC/2012/09420 ngày 15/01/2018 của Chi Cục thi hành án quận Phú Nhuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 317, 318, 319, 320, 321, 323, 324 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 3, khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phảiủ về giao dịch bảo đảm (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012);

- Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;

- Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QD-NHNN ngày 03/02/2005;

- Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phảií Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với Công ty TNHH H. Buộc Công ty TNHH H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q theo Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 03/HĐTD-DH/2008 ngày 20/02/2008 (sửa đổi, bổ sung ngày 03/12/2008) và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 001/12/HĐTD/101-51 ký ngày 06/3/2012 với tổng số tiền nợ gốn và lãi tạm tính đến ngày 24/9/2019 là 15.797.848.536 đồng, trong đó: Nợ gốc: 7.177.916.265 đồng, Lãi trong hạn 317.737.813 đồng, Lãi quá hạn 8.302.194.458 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực phảiáp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thanh toán phần nợ lãi, lãi phạt quá hạn phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trong trường hợp Công ty H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp của Công ty H đặt tại Công ty TNHH K toạ lạc tại khu phố K, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương để thu hồi nợ. Bao gồm:

1. Máy cán nguội (cán tôn): Model: CRM – 4HR – 400 (02 cái);
2. Máy cán nguội (cán tôn): Model: 4H 450 – 3S (02 cái);
3. Máy cắt tôn (phảia băng) : Máy cắt tôn theo kích thước ống (02 cái);
4. Máy làm ống 3 inches: Máy hàn từ tôn thành ống tròn (01 cái);
5. Máy làm ống 2 inches: Máy hàn từ tôn thành ống tròn (01 cái);
6. Tủ điện MSB: Tủ điều kiển của nhà máy (01 cái).

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 123.797.849 đồng.

- Ngân hàng thương mại cổ phần Q không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 62.321.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AC/2012/09420 ngày 15/01/2018 của Chi Cục thi hành án quận Phú Nhuận.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND QPN;
- Thi hành án dân sự Q.PN;
- Lưu VP, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHẢIÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mai Trâm